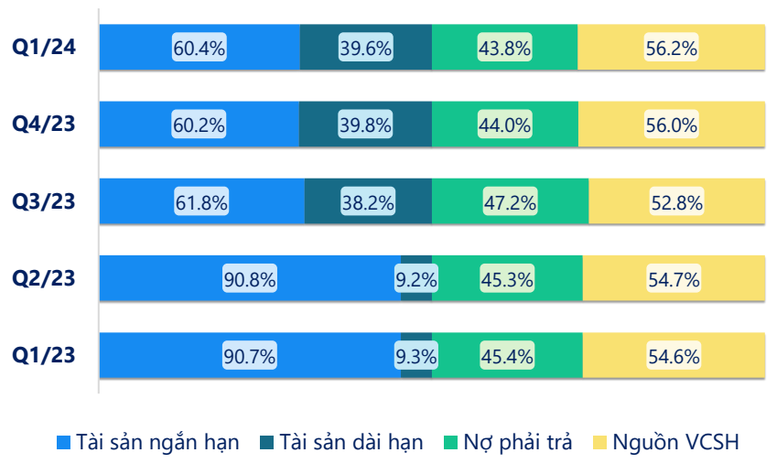
FireAnt

CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	9,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,020
SL cổ phiếu LH	64,245,281
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,204,600
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	588
P/E	92.0
EPS	99

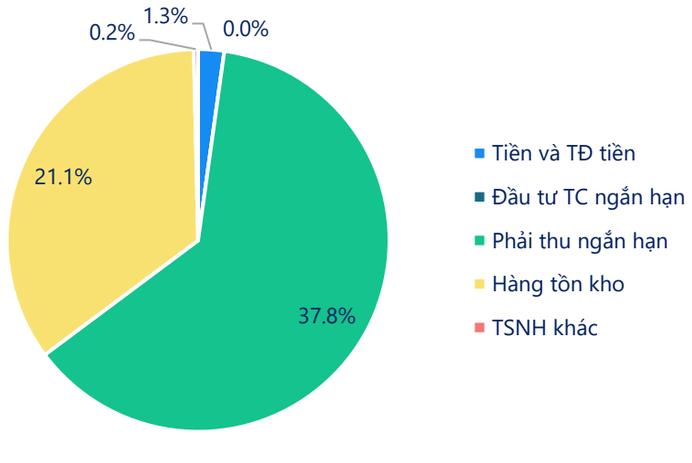
	YTD	1T	3T	6T
FIR	-50.5%	-7.9%	-54.3%	-60.2%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%

Cơ cấu Tổng tài sản



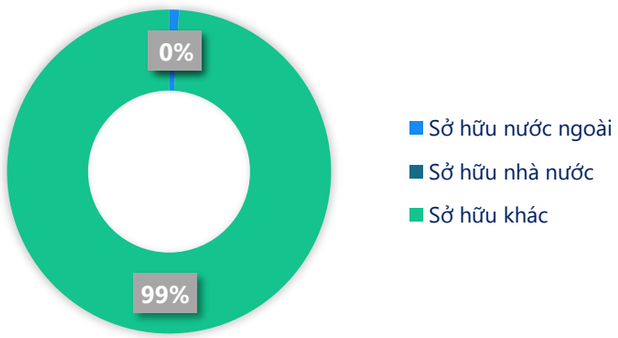
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



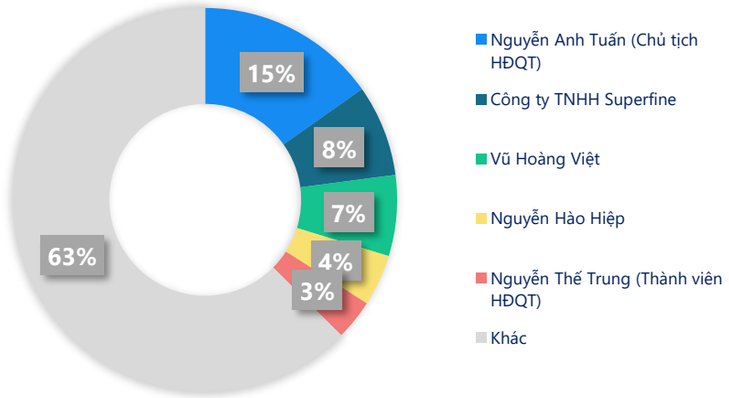
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



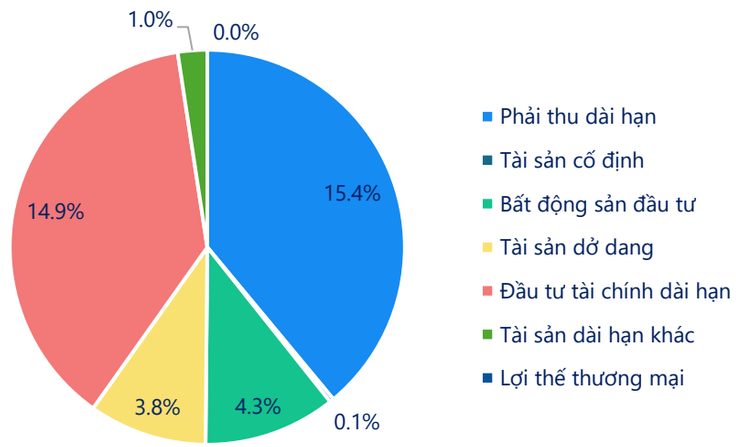
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

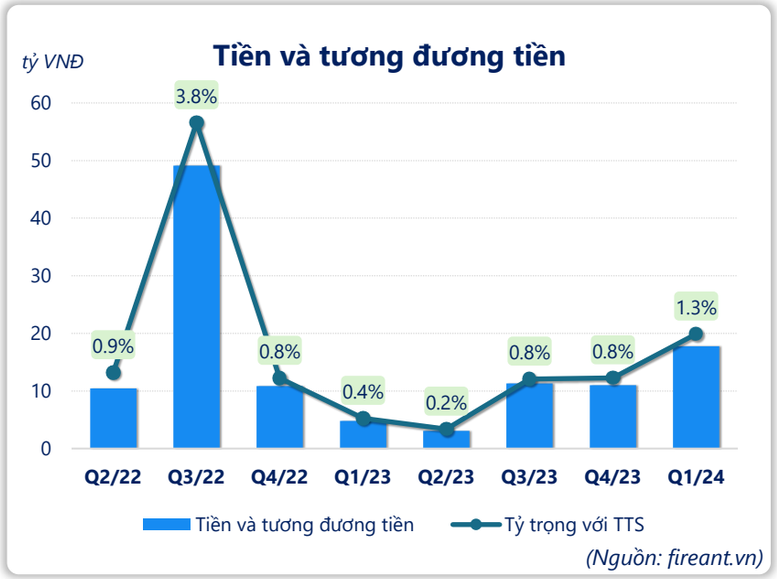
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



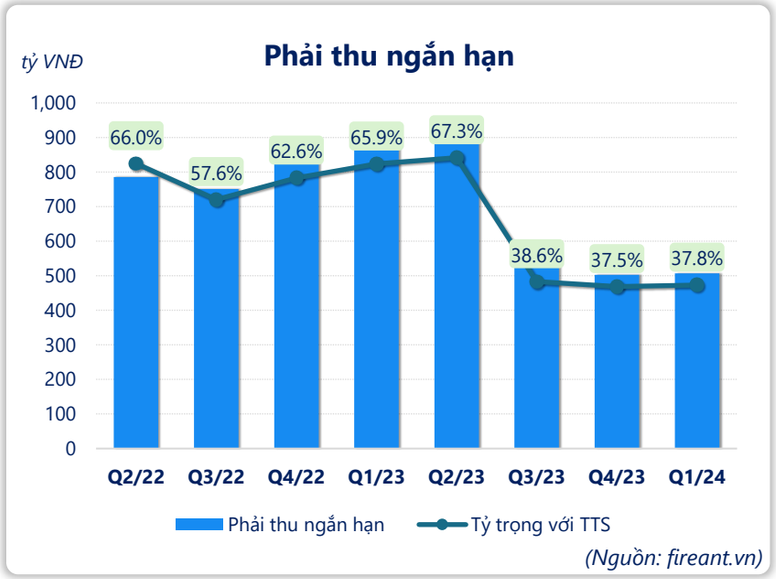
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

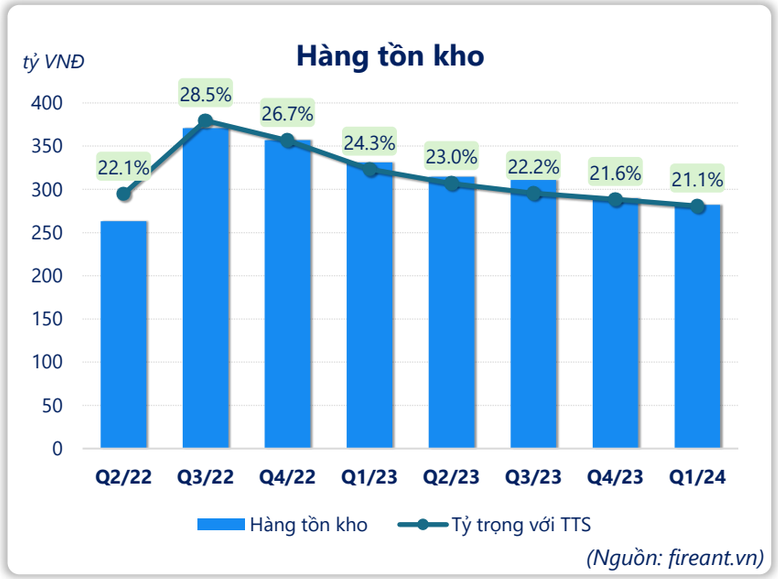
CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)



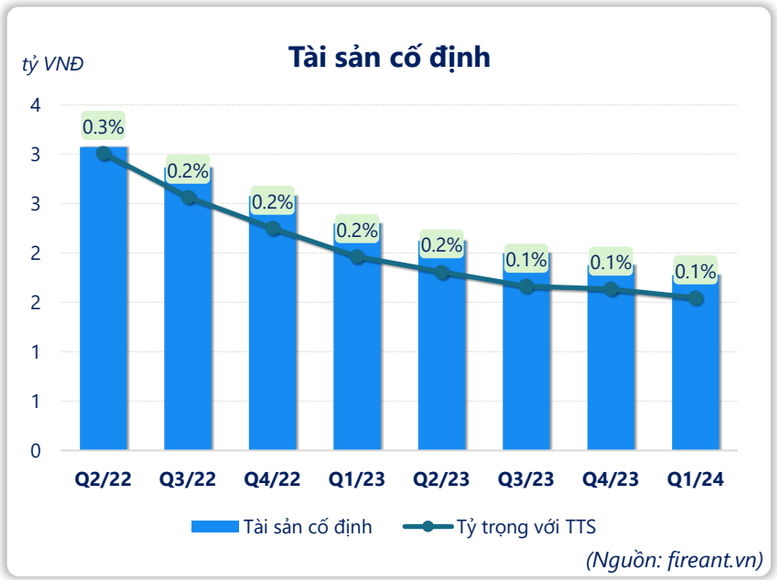
(Nguồn: fireant.vn)



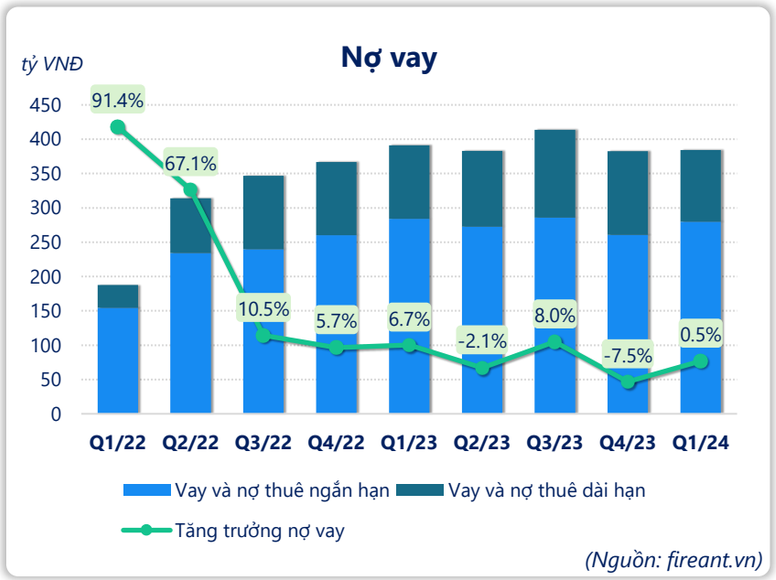
(Nguồn: fireant.vn)



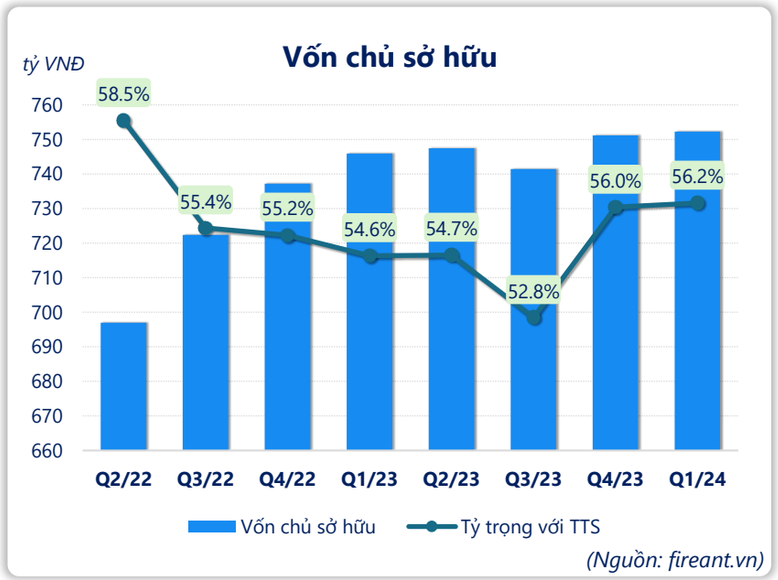
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

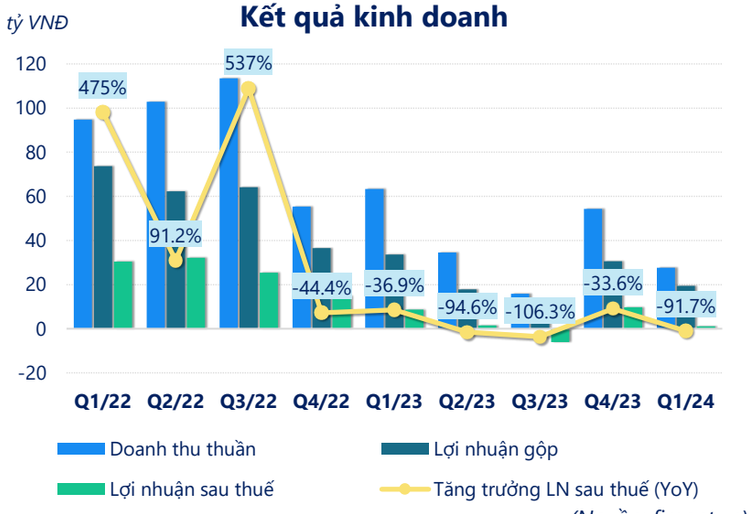


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

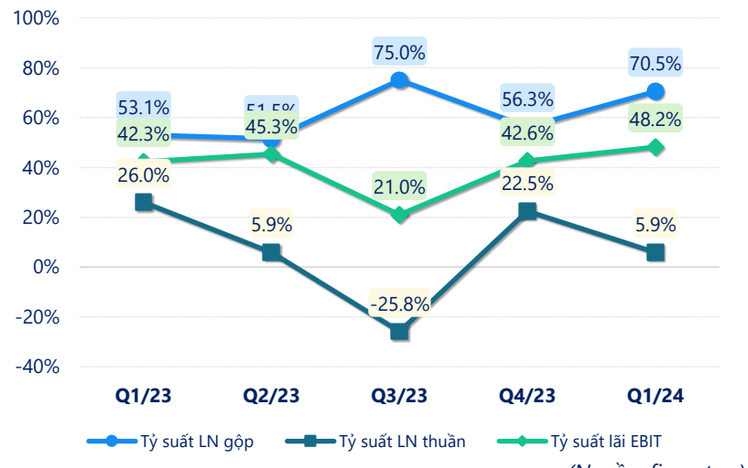
CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

Kết quả kinh doanh



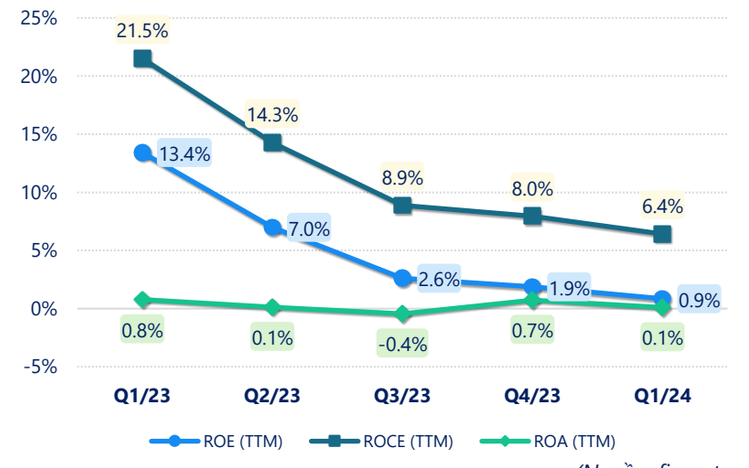
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



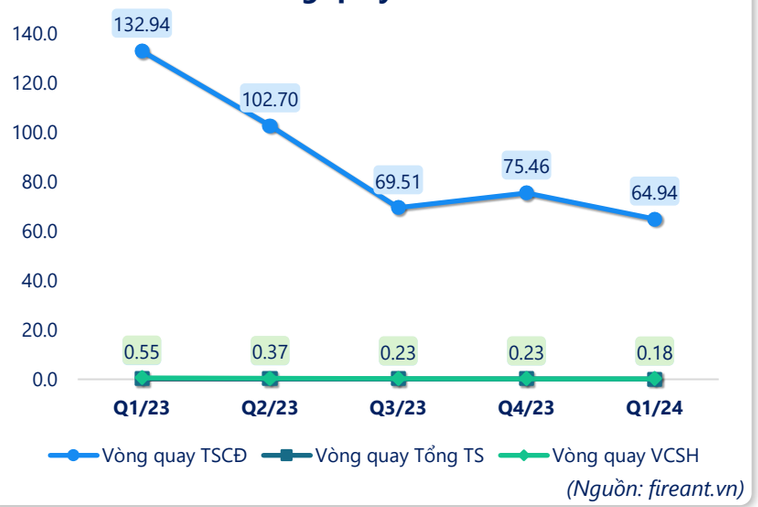
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



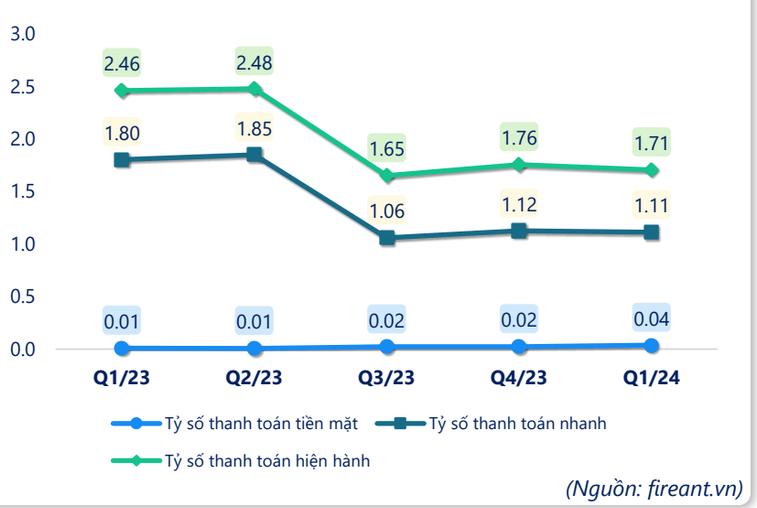
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



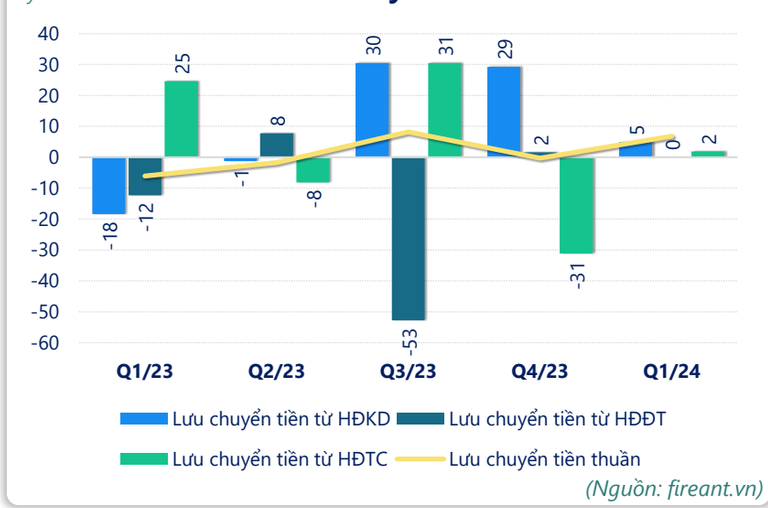
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,340**	**1,340**	**-0.1%**
Tài sản ngắn hạn	810	806	0.4%
Tiền và tương đương tiền	17.8	11.0	61.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	507	503	0.8%
Hàng tồn kho	282	290	-2.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.91	2.90	0.3%
Tài sản dài hạn	**530**	**534**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	207	210	-1.7%
Tài sản cố định	1.78	1.88	-5.5%
Bất động sản đầu tư	57.4	57.6	-0.3%
Tài sản dở dang	51.3	51.3	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	200	200	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**12.7**	**13.0**	**-1.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	587	589	-0.3%
Nợ ngắn hạn	**475**	**459**	**3.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	280	261	7.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.24	1.24	81.4%
Nợ dài hạn	113	130	-13.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	105	122	-14.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**752**	**751**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**752**	**751**	**0.2%**
Vốn điều lệ	642	642	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	63.4	34.5	15.9	54.3	27.6
Giá vốn hàng bán	29.7	16.7	3.96	23.8	8.15
Lợi nhuận gộp	33.7	17.8	11.9	30.6	19.5
Doanh thu HĐTC	4.46	4.42	3.67	0.00	0.02
Chi phí TC	13.4	13.6	14.0	10.7	12.0
Chi phí lãi vay	13.0	13.6	9.87	11.0	11.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.80	1.97	0.94	3.68	0.91
Chi phí QLDN	3.47	4.53	4.74	3.94	4.96
LN thuần từ HĐKD	16.5	2.05	-4.10	12.2	1.63
Lợi nhuận khác	-2.72	-0.06	-2.43	-0.01	-0.07
LN trước thuế	13.8	1.99	-6.53	12.2	1.57
Lợi nhuận sau thuế	8.73	1.56	-6.05	9.73	1.15
LNST của CĐ cty mẹ	8.73	1.56	-6.05	9.73	1.15

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.4	-1.25	30.5	29.3	4.89
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.4	7.72	-52.8	1.58	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	24.7	-8.17	30.5	-31.2	1.87
Tiền đầu kỳ	10.9	4.79	3.09	11.3	11.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.08**	**-1.70**	**8.20**	**-0.30**	**6.78**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.79	3.09	11.3	11.0	17.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic